

Bản án số: 97/2021/HS-PT
Ngày 10-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương và ông Nguyễn Trung Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/TLPT-HS ngày 21/6/2021 đối với bị cáo Hà Văn S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Hà Văn S**, sinh năm 1977. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 07/12; Con ông Hà Văn H và bà Giáp Thị Q. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1977; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến ngày 03/02/2021 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2020, do làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 trú tại số 31, ngõ 417, tổ dân phố Tiền Giang, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nảy sinh ý định đi thuê xe ô tô tự lái để cầm cố lấy tiền chi tiêu. Khoảng 08 giờ ngày 23/7/2020, Nguyễn Văn C rủ Nguyễn Văn T (tên gọi khác T2), sinh năm 1976 trú tại thôn Ng, xã T, thành phố B đến nhà anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 trú tại số X, đường Ch, phường L, thành phố B để thuê xe ô tô tự lái. Khi đến nơi, C nói với anh Nguyễn Văn S là muốn thuê xe ô tô tự lái để đi du lịch. Anh S

yêu cầu C phải đặt cọc số tiền 20.000.000 đồng và phải có hai người cùng ký vào hợp đồng thì mới đồng ý cho C thuê xe. Do C không có tiền để đặt cọc nên không thuê được xe. Sau đó, C gọi điện cho Hà Văn S, sinh năm 1977 trú tại Thôn Th, xã D, thành phố B (tên gọi khác là “S làng th”) ra Quảng trường 3/2, thành phố B để uống nước. Tại đây, C nói với Hà Văn S về việc muốn thuê xe ô tô tự lái để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu nhưng chưa thuê được vì chưa có tiền đặt cọc. C hỏi vay tiền của Hà Văn S để đặt cọc thuê xe, nhưng Hà Văn S bảo không có đủ tiền. C nhờ Hà Văn S vay hộ tiền đặt cọc thuê xe và nói sau khi thuê xe mang đi cầm cố lấy tiền sẽ trả lại tiền đặt cọc, Hà Văn S đồng ý. Sau đó C đi đến nhà anh Nguyễn Văn S chờ ở đó còn Hà Văn S điều khiển xe mô tô của S nhãn hiệu Vision (không nhớ biển số) đến nhà chị Giáp Thị H, sinh năm 1990 trú tại số nhà Y, Ba, xã T, thành phố B để cầm cố.

Tại đây, hai bên thỏa thuận giá cầm cố xe là 20.000.000 đồng nhưng do chị H không sẵn tiền mặt nên Hà Văn S bắt xe taxi đưa chị H đến nhà anh Nguyễn Văn S để nhờ chị H chuyển tiền cầm xe của Hà Văn S cho C 20.000.000 đồng. Khi đi thì chị H có rủ thêm bạn tên là Y, sinh năm 2001 (không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể). Khi đến nhà anh Nguyễn Văn S thì Hà Văn S đứng đợi bên ngoài, còn chị H và Y đi vào trong nhà anh Nguyễn Văn S. Tại đây, chị H đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng qua dịch vụ chuyển tiền Internet Banking của Ngân hàng Vietcombank cho anh Nguyễn Văn S để C đặt cọc thuê xe. Lúc này anh Nguyễn Văn S yêu cầu phải có hai người cùng ký vào hợp đồng thì mới đồng ý cho thuê xe nên C đã gọi điện bảo Hà Văn S tìm người đến ký vào hợp đồng. Hà Văn S đã gọi điện cho bạn quen biết xã hội là Thân Ngọc L, sinh năm 1990 trú tại số T, ngõ C, phường M, thành phố B, đến để ký vào hợp đồng thuê xe với tư cách là người chứng kiến. L đồng ý đến ký chứng kiến vào hợp đồng mà C thuê xe ô tô tự lái với anh Nguyễn Văn S. Hai bên thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, biển kiểm soát 98A-317.23, thời hạn thuê từ ngày 23/07/2020 đến ngày 26/07/2020, giá thuê là 900.000 đồng/ngày.

Anh S giao cho C chiếc xe ô tô 98A-317.23 và 01 giấy đăng ký xe bản photo. Khi thuê được xe, C điều khiển xe ô tô 98A-317.23 chở L ra Quảng trường 3/2 rồi quay lại đón Hà Văn S, H, Y. Trên đường đi C hỏi Hà Văn S chỗ cầm cố xe ô tô 98A-317.23 thì được Hà Văn S giới thiệu và đưa đến nhà anh Nguyễn Tư Ph, sinh năm 1975 trú tại thôn T, xã Ngh, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi đến nhà anh Ph, Hà Văn S gọi điện trước cho anh Ph nói “có thằng em muốn cầm chiếc xe, anh có nhận không?”, anh Ph đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày C, Hà Văn S, H, Y cùng đến nhà anh Ph. Tại đây, anh Ph hỏi xe của ai, có giấy tờ gì không thì C nói chiếc xe ô tô biển số 98A-317.23 là của C, giấy tờ để ở nhà. Lúc này Hà Văn S cũng xác nhận với anh Ph là xe ô tô của C. Anh Ph tin tưởng Hà Văn S nên đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô 98A-317.23 cho C với giá 200.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Anh Ph cắt lãi trước số tiền 10.000.000 đồng và đưa cho C số tiền 190.000.000 đồng và yêu cầu C viết giấy biên nhận số tiền 200.000.000 đồng, (trong giấy ghi nhầm lẫn ngày 23/7/2020 thành 22/7/2020), yêu cầu S ký vào giấy biên nhận làm người chứng kiến.

Sau khi cầm cố chiếc xe ô tô 98A-317.23, C bắt xe taxi đưa H, Y về nhà và đưa cho Hà Văn S số tiền 21.000.000 đồng để trả cho chị H chuộc chiếc xe mô tô trước đó Hà Văn S đã cầm cố cho chị H. Sau đó C và Hà Văn S đến nhà nghỉ Minola thuê phòng nghỉ. Tại đây, C đưa cho Hà Văn S số tiền 13.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do không biết nạp tiền vào tài khoản game đổi thưởng trên mạng nên Hà Văn S gọi anh L đến nhà nghỉ Minola và đưa cho anh L số tiền 13.000.000 đồng để nạp tiền vào tài khoản game đổi thưởng trên mạng. Số tiền còn lại C đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi hết hạn hợp đồng thuê xe, anh Nguyễn Văn S đã nhiều lần liên lạc với C và đến gia đình C để yêu cầu C trả xe nhưng đều không gặp được C. Đến ngày 20/8/2020, anh Nguyễn Văn S đã có đơn trình báo và giao nộp: 01 hợp đồng thuê xe tự lái ngày 23/7/2020; 01 bản phô tô giấy phép lái xe, 01 bản phô tô CMTND mang tên Nguyễn Văn C, 01 bản phô tô cuộc gọi của T2 (tức T), C, L ngày 23/7/2020, 01 bản phô tô hình ảnh tin nhắn chuyển tiền 20.000.000 đồng, 01 bản phô tô ảnh chụp L đứng cạnh xe ô tô cho Cơ quan điều tra.

Ngày 29/9/2020, chị Lê Thị Thu Hiền, sinh năm 1979 là vợ anh Nguyễn Tư Ph đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe ô tô 98A-317.23, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn C; 01 giấy kiểm định, chứng nhận bảo hiểm xe 98A-317.23 mang tên Nguyễn Văn S; anh Ph giao nộp: 01 giấy biên nhận ngày 22/7/2020 với nội dung Nguyễn Văn C vay số tiền 200.000.000 đồng để lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A- 317.23, hạn 10 ngày sau sẽ trả tiền và lấy lại xe, có Hà Văn S là người chứng kiến.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 342/KL-HĐĐG ngày 04/9/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu S ghi, số khung 43G3B9304663, số máy 1TR7090877, biển kiểm soát 98A- 317.23, sản xuất năm 2011, đăng ký lần đầu tháng 4/2011, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 300.000.000 đồng.

Ngày 28/9/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với hợp đồng thuê xe tự lái ngày 23/7/2020 (ký hiệu A1). Tại bản kết luận số 1419/KL-KTHS ngày 01/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 - trừ chữ viết có nội dung “ĐT: 034.6400.727 - Ngày: 22/07/2020 - Hôm nay ngày: 22/07/2020 - Người làm chứng - S - Hà Văn S - Người vay ký tên”) và chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2 - trừ chữ ký, chữ viết có nội dung “và Thân Ngọc L - Cùng thống nhất thuê chiếc ô tô này - 0981 440 358, 0969 985 598 - L - Thân Ngọc L” và chữ ký mang tên Nguyễn Văn S dưới mục “Đại diện bên A”) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra.”

Ngày 09/10/2020, cơ quan điều tra có quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với 01 giấy biên nhận ngày 22/7/2020 (ký hiệu A1) do anh Ph giao nộp. Tại bản kết luận giám định bổ sung số 1502/KL-KTHS ngày 15/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: “Chữ ký dạng chữ ký, chữ viết “S - Hà Văn S” dưới mục “Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Hà Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu

M5,M6) là do cùng một người ký, viết ra”.

Ngày 07/10/2020, Hà Văn S đầu thú về hành vi giúp sức cho Nguyễn Văn C chiếm đoạt chiếc xe nêu trên và giao nộp 01 điện thoại Nokia, 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Văn S và 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Quang Trung.

Ngày 25/10/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe ô tô cho anh Nguyễn Văn S. Đến nay, anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Quá trình điều tra, ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, Hà Văn S còn khai nhận thực hiện hành vi lạm dụng chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, loại xe 7 chỗ ngồi, biển số 30A-517.72 của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ V có trụ sở tại số R, L, quận Th, thành phố H do anh Vũ Quang T, sinh năm 1981, trú tại phòng số XX, phường Kh, quận Th, thành phố H là giám đốc đại diện. Cụ thể như sau:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô để đi lại nên Hà Văn S nhờ Thân Ngọc L, sinh năm 1990, trú tại số T, ngõ C, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giới thiệu chỗ thuê xe ô tô tự lái. Khoảng 21 giờ ngày 30/9/2020, Hà Văn S cùng L; Tạ Văn T, sinh năm 1984 trú tại thôn Ch, xã Đồng S, thành phố B; Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 trú tại thôn Ng, xã T, thành phố B cùng đến Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ V để thuê xe ô tô tự lái 07 chỗ ngồi. Khi đến nơi, S, L, T cùng vào công ty và gặp anh Vũ Quang T còn T đợi ở bên ngoài. Hà Văn S đặt vấn đề thuê xe 07 chỗ ngồi tự lái, do công ty của anh T chỉ còn 01 xe ô tô loại xe 16 chỗ ngồi, còn xe ô tô loại 7 chỗ ngồi thì phải đợi đến sáng 01/09/2020 mới có nên S và anh T thống nhất làm hợp đồng thuê xe ô tô loại 16 chỗ ngồi biển số 29B-130.58 với giá 800.000 đồng/1 ngày, thời gian thuê xe là một ngày và hạn đến sáng ngày 01/09/2020 khi có xe ô tô 7 chỗ ngồi thì sẽ bàn giao xe ô tô biển số 29B-130.58 sẽ làm hợp đồng mới, S đặt cọc 20.000.000 đồng cho anh T và để lại 01 sổ hộ khẩu số 040.180.105, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Văn S.

Sau đó S, L, T, T cùng đi giải quyết công việc tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng 13 giờ ngày 01/09/2020, anh T điều khiển xe ô tô biển số 30A-517.72 đến cổng bến xe khách tỉnh Bắc Giang tại đường X, thành phố B để đổi xe cho S. Hai bên thanh lý hợp đồng thuê xe ô tô biển số 29B -130.58 và làm hợp đồng thuê chiếc xe ô tô 30A-517.72, thỏa thuận với giá thuê xe 800.000 đồng/1 ngày, thời gian thuê xe từ 01/09/2020 đến 04/09/2020, mục đích S thuê xe là để đi lại. Sau đó S và anh T cùng ký xác nhận làm hợp đồng thuê xe ô tô biển số 30A-517.72, S giao lại chiếc xe ô tô biển số 29B-130.58 cho anh T còn anh T giao cho S 01 bảo hiểm xe, 01 đăng kiểm xe ô tô 30A-517.72 bản phô tô.

Sau khi thuê được chiếc xe ô tô 30A-517.72, Hà Văn S đi giải quyết công việc. Ngày 02/9/2020, do thiếu tiền chi tiêu, S đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô biển số 30A-517.72 đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. S hỏi T chỗ cầm cố xe ô tô thì được T giới thiệu và đưa đến nhà anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1995 trú tại thôn M, xã T, thành phố B để cầm cố xe ô tô. Trên đường đi, T gọi điện trước cho anh V bảo có thằng bạn tên S ở xã D, thành phố B đang cần tiền và muốn vay 150.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô để làm tin thì được anh V đồng ý bảo đến nhà và gặp bố anh V tên là Nguyễn Đình V, sinh năm 1969, trú tại thôn M, xã T để

làm thủ tục. Khi đến nhà V thì L, S, T cùng vào nhà và gặp ông Viêt, tại đây S đã cầm cố chiếc xe ô tô 30A-517.72 và được ông Viêt đồng ý với giá 150.000.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận với nhau làm hợp đồng cho vay tiền, S để lại chiếc xe ô tô 30A-517.72 để làm tin, ông Viêt giao cho S số tiền 141.000.000 đồng, đã cắt lãi 9.000.000 đồng, T là người ký tên dưới mục người làm chứng. Nhận tiền xong S cùng L, T bắt taxi ra về, số tiền vay được S đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến hẹn trả xe anh T nhiều lần yêu cầu S mang xe đến trả nhưng không liên lạc được với S. Do vậy, Ngày 02/10/2020, anh Vũ Quang T có đơn trình báo, giao nộp 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đề ngày 01/9/2020, 01 phiếu kiểm tra tình trạng xe (ký hiệu A1, A2); 01 sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Văn S cho cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 372/KL-HĐĐG, ngày 12/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, màu S bạc, biển kiểm soát: 30A-517.72, số máy: 1TR7930628, số khung: 42G3F9415429, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 16/01/2015, có trị giá tại thời điểm tháng 10/2020 là 390.000.000 đồng.

Ngày 11/10/2020, anh V giao nộp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, màu S bạc, biển kiểm soát: 30A-517.72; 01 giấy vay tiền đề ngày 02/9/2020 (ký hiệu A3) với nội dung Hà Văn S vay số tiền 150.000.000 đồng, thế chấp 01 xe ô tô biển số 30A- 51.772; 01 đăng kiểm xe, 01 bảo hiểm xe; bản photo chứng minh thư nhân dân và đăng ký xe ô tô.

Ngày 22/10/2020, cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đề ngày 01/9/2020, phiếu kiểm tra tình trạng xe, giấy vay tiền đề ngày 02/9/2020. Tại bản kết luận giám định số 1575/KL-KTHS, ngày 31/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: “Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “S - Hà Văn S” dưới các mục “Bên B ký xác nhận”, “Bên thuê”, “Đại diện bên B” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1,A2,A3) so với chữ ký, chữ viết của Hà Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.”.

Ngày 04/11/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe biển kiểm soát 30A-517.72 và giấy tờ xe cho anh Vũ Quang T, đến nay anh T là đại diện của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ V không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự và có đơn đề nghị miễn giảm truy cứu trách nhiệm hình sự cho Hà Văn S

Đối với Tạ Văn T, Nguyễn Văn T, Thân Ngọc L đi cùng S đi thuê xe, đi cùng đi cầm cố tài sản, T có ký người chứng kiến, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ nhưng không có căn cứ xem xét xử lý đối với những người này đồng phạm với Hà Văn S về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Anh V đã nhận của ông Hà Văn H 150.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả cho Hà Văn S, đến nay anh V và ông Hùng đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại Cơ quan điều tra Hà Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 04/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Hà Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại

điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Hà Văn S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn S 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 05 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến ngày 03/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, lãi suất thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C không kháng cáo bản án.

Ngày 25/5/2021, bị cáo Hà Văn S nộp đơn kháng cáo, nội dung hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo S vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ bị cáo đưa ra là trong quá trình giải quyết vụ án toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại; đồng thời bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục đầy đủ cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có bố mẹ già; bị cáo có bố vợ là thương binh 3/4 và có huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, T chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về T hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Văn

S được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hà Văn S, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo Hà Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hà Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

[2.2]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài các tình tiết định tội và định khung hình phạt, bị cáo Hà Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2.3]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn S đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo đã tác động đến gia đình để thỏa thuận với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra nên bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hành vi “Lạm dụng chiếm đoạt tài sản” của bị cáo đều không có yêu cầu gì thêm và đều có đơn, có ý kiến miễn trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo Hà Văn S.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo S cũng đã tác động đến gia đình nộp số tiền 13.000.000đồng mà bị cáo được hưởng lợi nhằm khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Tư Ph. Do vậy, bị cáo Hà Văn S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội bị xét xử trong vụ án này.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết không thể trốn tránh được nên bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà Văn S; sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp 200.000 tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có bố vợ là thương binh 3/4 và có Huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo Hà Văn S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.4]. Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Hà Văn S là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

[3]. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng căn cứ vào nội dung của vụ án; T chất, mức độ và hành vi bị cáo đã thực hiện; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã được bản án sơ thẩm áp dụng là có căn cứ và mức hình phạt đã tuyên là phù hợp với quy

định của pháp luật, vì vậy kháng cáo của bị cáo Hà Văn S là không có căn cứ để chấp nhận nên HĐXX phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hà Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.
Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn S về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Hà Văn S 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn S 05 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến ngày 03/02/2021.

[3]. Về xử lý tiền án phí hình sự sơ thẩm và nghĩa vụ chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm: Xác nhận bị cáo Hà Văn S đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0001609 ngày 04/8/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Buộc bị cáo Hà Văn S phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu